

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRÀ CÚ
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2021/HNGĐ-ST

Ngày 30 - 9 - 2021

“V/v tranh chấp về nuôi con của nam
nữ chung sống với nhau như vợ chồng
mà không đăng ký kết hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ CÚ, TỈNH TRÀ VINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Thạch Thuôn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Anh Đào

2. Ông Võ Văn Đà

- Thư ký phiên tòa: Bà Kim Thị Bô Na, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Cú tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Đoàn Tố Quyên – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 7 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 134/2021/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2021 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 48/2021/QĐXXST- HNGĐ, ngày 14 tháng 9 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 21/2021/QĐXXST- HNGĐ, ngày 28 tháng 9 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Thạch Thị Thanh Đ, sinh năm 1986; địa chỉ cư trú ấp S, xã N, huyện T, tỉnh Trà Vinh (có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

- *Bị đơn:* Anh Dương Văn T, sinh năm 1987; địa chỉ cư trú ấp S, xã N, huyện T, tỉnh Trà Vinh (vắng mặt lần thứ hai).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 01/4/2021 nguyên đơn chị Thạch Thị Thanh Đ trình bày: Vào năm 2010 do quen biết nên chị và anh Dương Văn T xác lập quan hệ vợ chồng với nhau, nhưng chị và anh T không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau đó, chị và anh T về sinh sống tại ấp S, xã N, huyện T, tỉnh Trà Vinh. Sau khi chung sống với nhau được 01 thời gian thì vợ chồng thường xuyên

xảy ra mâu thuẫn cự cãi, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong công việc làm ăn, anh T thường xuyên vô cớ đánh đập chị nhiều lần và hiện nay còn có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác nên xét thấy cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt, không thể kéo dài nên yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị và anh Thắng; về con chung có 02 người con chung tên Thạch Thị Minh T1, sinh ngày 28/6/2011 và Thạch Thị Minh T2, sinh ngày 17/3/2013; về tài sản chung và nợ chung không có.

Theo biên bản lấy lời khai ngày 15/7/2021 bị đơn anh Dương Văn T trình bày: Anh thừa nhận vào năm 2010, anh và chị Thanh Đ chung sống với nhau như vợ chồng nhưng anh chị không có tổ chức lễ cưới cũng không có đăng ký kết hôn theo quy định. Quá trình chung sống có 02 người con chung tên Thạch Thị Minh T1, sinh ngày 28/6/2011 và Thạch Thị Minh T2, sinh ngày 17/3/2013; về tài sản chung và nợ chung không có. Thời gian gần đây giữa anh và chị Thanh Đ xảy ra mâu thuẫn do chị Thanh Đ có quan hệ bất chính với người đàn ông khác nên anh và chị Thanh Đ đã không còn chung sống với nhau cách đây đã hơn 01 năm.

Tại phiên tòa, chị Thạch Thị Thanh Đ có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, anh Dương Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do.

- Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:

+ Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án thấy rằng Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng theo trình tự, thủ tục tố tụng của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

+ Về quan điểm giải quyết nội dung vụ án nhận thấy: Chị Thạch Thị Thanh Đ và anh Dương Văn T có sống chung với nhau như vợ chồng nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống có 02 người con chung tên Thạch Thị Minh T1, sinh ngày 28/6/2011 và Thạch Thị Minh T2, sinh ngày 17/3/2013. Sau khi chung sống được một thời gian thì anh chị phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cự cãi, mất niềm tin lẫn nhau và đã sống ly thân với nhau. Theo quy định của pháp luật thì nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Quyền, nghĩa vụ đối với con, tài sản, nghĩa vụ và hợp đồng giữa các bên được giải quyết theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình. Do đó, việc chị Thạch Thị Thanh Đ yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng với anh Dương Văn T là có cơ sở chấp nhận; về con chung chị Thanh Đ yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng 02 người con chung là phù hợp với nguyện vọng của con nên có căn cứ chấp nhận; về tài sản chung và nợ chung không có nên không xem xét, giải quyết.

Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 7 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng

dân sự; các Điều 14, 15, 81 và Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Đề nghị

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Thạch Thị Thanh Đ

+ Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Thạch Thị Thanh Đ và anh Dương Văn T là vợ chồng.

+ Về con chung: Giao 02 người con chung tên Thạch Thị Minh T1, sinh ngày 28/6/2011 và Thạch Thị Minh T2, sinh ngày 17/3/2013 cho chị Thạch Thị Thanh Đ được tiếp tục nuôi dưỡng (đều này cũng phù hợp với nguyện vọng của 02 cháu Minh T1 và Minh T2).

+ Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu nên đề nghị không đặt ra xem xét.

Về án phí phí hôn nhân và gia đình đề nghị buộc nguyên đơn phải chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét, thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1] Theo đơn khởi kiện thì chị Thạch Thị Thanh Đ yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị với anh Dương Văn T và yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung nên đây là vụ kiện “*Tranh chấp nuôi con giữa nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn*” theo quy định tại khoản 7 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự; căn cứ vào khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh. Tại phiên tòa nguyên đơn nguyên đơn chị Thạch Thị Thanh Đ có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn anh Dương Văn T đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do. Căn cứ vào khoản 1, 2 Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt chị Thanh Đ và anh T.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Thạch Thị Thanh Đ và anh Dương Văn T đều thừa nhận anh, chị có chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2010 nhưng anh, chị không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự. Xét thấy, mặc dù, chị Thanh Đ và anh T chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2010, có đủ điều kiện kết hôn theo quy định nhưng anh, chị không đăng ký hôn nên đã vi phạm pháp luật về hôn nhân và gia đình. Do đó, quan hệ giữa chị Thanh Đ và anh T không phải là quan hệ hôn nhân hợp pháp nên không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ, chồng. Căn cứ vào khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 Luật hôn

nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử không công nhận chị Thanh Đ và anh T là vợ chồng theo như yêu cầu của chị Thạch Thị Thanh Đ là có căn cứ.

[3] Về con chung: Chị Thạch Thị Thanh Đ và anh Dương Văn T thừa nhận 02 người con chung tên Thạch Thị Minh T1, sinh ngày 28/6/2011 và Thạch Thị Minh T2, sinh ngày 17/3/2013. Đây là sự thừa nhận của các đương sự nên theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử xác định là tình tiết không phải chứng minh. Xét thấy, hiện nay, hai cháu Minh T1 và Minh T2 đều đã trên 07 tuổi và đang sống chung với chị Thanh Đ. Qua tiếp xúc ghi nguyện vọng thì hai cháu có nguyện vọng được tiếp tục sống với mẹ là chị Thanh Đ. Do đó, việc chị Thanh Đ yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng 02 người con chung là phù hợp với nguyện vọng của con nên căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về phần cấp dưỡng nuôi con, phía chị Thạch Thị Thanh Đ là người trực tiếp nuôi con không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự đều xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình: Trong vụ án hôn nhân và gia đình thì nguyên đơn phải chịu theo quy định khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[7] Quan điểm của Kiểm sát viên phù hợp với quy định của pháp luật và nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 7 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 228, Điều 238 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53 và Điều 58, khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Thạch Thị Thanh Đ.

+ Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Thạch Thị Thanh Đ và anh Dương Văn T là vợ chồng.

+ Về con chung: Giao 02 người con chung tên Thạch Thị Minh T1, sinh ngày 28/6/2011 và Thạch Thị Minh T2, sinh ngày 17/3/2013 cho chị Thạch Thị Thanh Đ được tiếp tục nuôi dưỡng (điều này cũng phù hợp với nguyện vọng của 02 cháu Minh T1 và Minh T2).

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được quyền ngăn cản, đồng thời có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được chung sống với bên trực tiếp nuôi. Vì lợi ích của con, một hoặc cả hai

bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Chị Thạch Thị Thanh Đ và anh Dương Văn T xác định không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Buộc chị Thạch Thị Thanh Đ phải chịu 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị Thạch Thị Thanh Đ đã nộp trước bằng 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003477 ngày 01/4/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh nên chị Thanh Đ không phải nộp tiếp.

Án xử sơ thẩm công khai, vắng mặt nguyên đơn và bị đơn, báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TA tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Trà Cú;
- Chi cục THADS huyện Trà Cú;
- UBND xã Ngọc Biên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Thạch Thuê

